TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/HS-ST
Ngày 29-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông M Anh Tuấn

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Khắc Duẩn

2. Ông Phạm Văn Thọ

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Đặng Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2019/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Thanh T, tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1976; Giới tính: Nam; ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Q1, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Phạm Văn H, sinh năm 1937; Con bà: Hoàng Thị N, sinh năm 1938; Gia đình có 5 chị em, bị can là con thứ năm; Vợ Ngô Thị Th, sinh năm 1980; Có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị can bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến 01/10/2019, chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Xóm 7, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. Anh Lê Văn C, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Đội 1, xã N2, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bị cáo, anh C có mặt; Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thanh T, sinh năm 1976, trú tại: Xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu xài cá nhân, trong tháng 7/2019, T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức giả danh là cán bộ Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Nam Định đến gặp chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1962, trú tại: Xóm 7, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định và anh Lê Văn C, sinh năm 1971, trú tại: Đội 1, xã N2, huyện N, tỉnh Nam Định, nói dối có khả năng xin tại ngoại cho Đinh Xuân C1(là chồng chị M) và Lưu Thị D (là vợ anh C) (Đối tượng C1và D hiện đang bị tạm giam trong vụ án "Đánh bạc" mà Cơ quan CSĐT (PC02) – Công an tỉnh Nam Định đang thụ lý, giải quyết), để chiếm đoạt tiền của chị M và anh C. Nội dung vụ án cụ thể như sau: Sau khi đọc báo 24h qua mạng internet, Phạm Thanh T nắm được thông tin vụ án "Đánh bạc" xảy ra tại xã N2 và xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định do Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Nam Định đang thụ lý, giải quyết. Trong vụ án có hai đối tượng là Đinh Xuân C1và Lưu Thị D đang bị tạm giam. Sáng ngày 22/7/2019, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát: 18C1-268.60 đi đến khu vực xã N2 để tìm Cách tiếp cận gia đình Đinh Xuân C1 và Lưu Thị D. T vào quán nước gần cổng chào xã N2 ngồi uống nước thì gặp và làm quen với chị Đặng Thị Th, sinh năm 1981, trú tại: Xóm 9, xã G1, huyện G, tỉnh Nam Định (Chị Th làm nghề tiếp thị). T nghĩ chị Th làm nghề tiếp thị nên có khả năng xin được số điện thoại của gia đình C1. Vì vậy T tự giới thiệu mình là công an, hiện đang điều tra vụ án C1, D nhà ở xã N1 và xã N2 đánh bạc dưới hình thức lô, đề. T tìm gặp gia đình C1, D để giải quyết vụ án nhưng không tìm được. Qua cuộc nói chuyện, T và chị Th đã cho số điện thoại di động của nhau để liên lạc. Ngày 24/7/2019, T gọi điện thoại nhờ chị Th tìm cách xin số điện thoại của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1962 (là vợ đối tượng C1). Chị Th đồng ý, điện thoại cho anh Trần Đức Q, sinh năm 1979, trú tại: Xóm 3, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định, làm đại lý hàng tạp hóa khu vực xã N1 để nhờ xin hộ số điện thoại của chị M.

Sau khi có được số điện thoại, khoảng 10h ngày 25/7/2019, T gọi cho chị M, tự giới thiệu tên là Trần Đình Dũng, làm ở Công an tỉnh Nam Định. T bảo chị M nếu muốn lo tại ngoại cho chồng thì chiều lên thành phố Nam Định nói chuyện. Khoảng 14h cùng ngày, chị M gặp T tại quán nước gần chùa Vọng Cung. T nói trước hết phải làm hồ sơ bệnh án cho C1, chi phí hết 02 triệu đồng, sau đó chi phí xin tại ngoại từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Chị M không mang theo tiền nên hẹn ngày hôm sau sẽ đưa cho T. Sáng ngày 26/7/2019 chị M đến gặp T tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định để đưa T 02 triệu đồng và bản photocopy chứng minh nhân dân của C1.

Sáng ngày 28/7/2019 chị M cùng con trai là anh Đinh Xuân Tr, sinh năm 1990, trú tại: Xóm 7, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định gặp T ở quán nước gần cầu Ốc, xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định. Anh Tr nghi ngờ, nên yêu cầu T cho xem thẻ ngành công an, thì T nói: "Cái này không xem được, mẹ con cháu có tin thì chú làm, không thì thôi". Nghe T nói vậy, anh Tr, chị M tin tưởng, thống nhất số tiền lo tại ngoại cho đối tượng C1là 40 triệu đồng, đưa trước cho T số tiền 30 triệu đồng, còn 10 triệu đồng thì sẽ đưa sau khi C1được tại ngoại. T đồng ý, hẹn năm ngày sau C1sẽ được tại ngoại, rồi cầm tiền ra về. Ngày 29/7/2019, T tiếp tục gọi điện thoại yêu cầu chị M đưa nốt số tiền 10 triệu đồng. Sáng ngày 30/7/2019 chị M và anh Tr gặp T tại khu vực nhà thờ ở chân cầu Đò Quan, thành phố Nam Định và đưa tiếp cho T số tiền 2,5 triệu đồng.

Trong khoảng thời gian này, mẹ con chị M về gặp anh Lê Văn C, sinh năm 1971, trú tại: Đội 1, xã N2, huyện N, tỉnh Nam Định (là chồng đối tượng Lưu Thị D) nói chuyện lại việc đã nhờ người lo tại ngoại cho chồng. Anh C vì lo lắng cho vợ, nên nhờ anh Tr gọi điện thoại cho T để nhờ xin tại ngoại. T bảo anh C sử dụng số điện thoại của anh C để gọi cho T nói chuyện. T tiếp tục giới thiệu tên là Trần Đình Dũng, làm ở Công an tỉnh Nam Định, đang thụ lý vụ án của D, C1. T nói, nếu muốn lo cho D được tại ngoại thì phải chi phí từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Anh C nói để thu xếp lo tiền rồi sẽ gọi lại sau.

Đến ngày 02/8/2019, theo như lời hứa hẹn, nhưng không thấy đối tượng C1 được tại ngoại, nên anh Tr điện thoại cho T. T nói: "Anh C1 không được ra vì sợ gia đình bà D kiện" và T sẽ xuống để gửi lại tiền cho gia đình chị M (Thực tế số tiền này, T đã tiêu xài cá nhân hết). Sáng ngày 03/8/2019, T điều kH xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát: 18C1-268.60 đến quán nước gần cổng chào xã N2 gặp anh Tr, chị M và anh Lê Văn C, T nói: "Anh C1 chưa được tại ngoại là vì sợ gia đình chị D kiện tụng, nếu muốn anh C1được ra thì nói với anh

C viết giấy cam kết không kiện tụng gì, nếu không T sẽ trả lại tiền cho chị M". Nghe thấy vậy, anh C tin và nhờ T tiếp tục xin tại ngoại cho đối tượng D với chi phí là 40 triệu đồng. Sau đó tại phòng khách nhà anh C, anh C đưa trước cho T số tiền 30 triệu đồng, còn số tiền 10 triệu đồng sẽ đưa sau khi D được tại ngoại. T đồng ý, cầm tiền ra về. Theo yêu cầu của T, sáng ngày 05/8/2019, anh C gặp T ở khu vực nhà thờ chân cầu Đò Quan, thành phố Nam Định đưa cho T 03 triệu đồng cùng bản photocopy chứng minh nhân dân của đối tượng D để T làm hồ sơ bệnh án. Sau khi nhận được tổng số tiền 67.500.000 đồng của chị M và anh C, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết (BL 42 -77; BL 84 – 104). Tại Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định, Phạm Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Thu giữ của Phạm Thanh T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màn hình cảm ứng. Tạm giữ của anh Lê Văn C 03 chiếc ảnh màu có kích thước 20x15 cm và của chị Nguyễn Thị M 03 chiếc ảnh màu có kích thước 20x15cm và 01 USB, bên trong có lưu 03 file ghi âm cuộc hội thoại.

Bị can Phạm Thanh T đã tác động gia đình bồi thường lại số tiền 34.500.000 đồng cho chị Nguyễn Thị M và số tiền 33.000.000 đồng cho anh Lê Văn C. Chị M, anh C đã nhận đủ số tiền và không có ý kiến gì thêm.

Cáo trạng số 88/CTr-VKS-P3 ngày 08/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Phạm Thanh T về tội:" Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thanh T từ 30 đến 36 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017 để xử lý vật chứng theo qui định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cở sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; Biên bản đối chất, nhận dạng; Lời khai người làm chứng và các tài liệu trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 7/2019, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân, Phạm Thanh T có hành vi giả danh là cán bộ Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Nam Định đến gặp chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn C, nói dối có khả năng xin tại ngoại cho Đinh Xuân C1(là chồng chị M) và Lưu Thị D (là vợ anh C) (Đối tượng C1và D hiện đang bị tạm giam trong vụ án "Đánh bạc" mà Cơ quan CSĐT (PC02) – Công an tỉnh Nam Định đang thụ lý, giải quyết), để chiếm đoạt số tiền 34.500.000 đồng của chị M và số tiền 33.000.000 đồng của anh C. Tổng số tiền T chiếm đoạt được của chị M, anh C là 67.500.000 đồng. Hành vi của Phạm Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội danh và hình phạt qui định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sở hữu tài sản của chị M và anh C, gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động cùng gia đình bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; Bố đẻ bị cáo là người có công với C1mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. HĐXX, áp dụng điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chiếm đoạt tiền của chị M và anh C, mỗi lần chiếm đoạt đều đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì

vậy, HĐXX áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX, quyết định hình phạt tù có thời hạn nhằm trừng trị đồng thời giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn. HĐXX, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại, các bị hại không có yêu cầu đề nghị gì. HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Xử lý vật chứng:

- Các vật chứng thu giữ của chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn C chuyển theo hồ sơ vụ án là tài liệu chứng cứ nên không đề cập xử lý.

- Chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung thu giữ của Phạm Thanh T liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Xử phạt Phạm Thanh T 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2019.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Tịch thu chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung thu giữ của Phạm Thanh T sung ngân sách nhà nước.

Biên bản giao nhận vật chứng số 12/20 ngày 18/11/2019 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Phạm Thanh T phải nộp 200.000 đồng.

Bị cáo, anh C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKND tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Anh Tuấn

.